TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** Bản án số: 07/2017/DS-ST Ngày 27-9-2017 "V/v tranh chấp đòi lại tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hưng Bính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thạnh và ông Phan Văn Đáng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hoàng Châu, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân Phúc, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 09/2017/TLST-DS ngày 03/7/2017 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn N;

Địa chỉ: 507 Lichfield RD, Sutton, United Kingdom (Anh). Vắng mặt.

Người đại hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q; trú tại: Số 42 B đường T, thành phố Huế; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 01/9/2017). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị M;

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Chuỗi giá trị; Tầng 7, số 78 đường N, phường P, thành phố Huế. Có văn bản xin xét xử vắng mặt đề ngày 20/9/2017

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị PhanThị Duy T;

Địa chỉ: Số 42 B đường T, thành phố Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Vào tháng 12 năm 2012, ông N có lập 01 (một) Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Văn phòng Luật sư Dương Thị M (Hiện tại là Văn phòng luật sư C), chi phí tạm ứng cho dịch vụ pháp lý theo nội dung của Hợp đồng là 42.000.000 đồng. Nhưng do công việc thực hiện theo Hợp

đồng không có hiệu quả nên hai bên thanh lý hợp đồng. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 05/3/2015, phía ông N đã thanh toán chi phí dịch vụ pháp lý cho bà Dương Thị M số tiền 6.000.000 đồng, phía bà Dương Thị M phải hoàn trả số tiền còn lại là 36.000.000 đồng cho ông N trong thời hạn 02 tháng. Số tiền này ông N ủy quyền cho bà Phan Thị Duy T nhận thay. Tuy nhiên, bà Dương Thị M chỉ thanh toán 19.000.000 đồng cho ông N, số tiền còn lại là 17.000.000 đồng bà M vẫn chưa thanh toán, mặc dù ông N đã nhiều lần khiếu nại đến Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu bà M phải thanh toán số tiền còn lại là 17.000.000 đồng cho ông N.

- Bị đơn bà Dương Thị M trình bày: Bà M thừa nhận bà còn thiếu nợ ông N 17.000.000 đồng từ việc thanh lý hợp đồng. Hiện tại, bà M không đủ khả năng để chi trả cho ông N 01 (một) lần. Do đó, bà M đề nghị trả trước với số tiền 5.000.000 đồng cho bà Phan Thị Duy T, số tiền còn lại là 12.000.000 đồng, sau 30 ngày kể từ ngày 15/8/2017 bà M sẽ trả dần trong vòng 05 tháng. Nếu ông N đồng ý với phương án trả nợ nêu trên thì bà M đề nghị ông N rút đơn khởi kiện. Nếu ông N không đồng ý thì bà M đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Duy T trình bày: Vào tháng 12 năm 2012, ông N có lập 01 (một) Hợp đồng dịch vụ pháp lý với bà Dương Thị M, chi phí tạm ứng cho dịch vụ pháp lý theo nội dung của Hợp đồng là 42.000.000 đồng. Nhưng do công việc thực hiện theo Hợp đồng không có hiệu quả nên hai bên thanh lý hợp đồng vào ngày 05/3/2015, sau khi trừ đi các khoản chi phí dịch vụ pháp lý, phía bà Dương Thị M sẽ hoàn trả số tiền còn lại là 36.000.000 đồng cho ông N trong thời hạn 02 tháng. Số tiền này ông N ủy quyền cho bà Phan Thị Duy T nhận thay. Tuy nhiên, bà M chỉ trả được số tiền 19.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 17.000.000 đồng đến nay bà M vẫn chưa thanh toán. Hiện tại, ông N đã khởi kiện yêu cầu bà M trả nợ nên bà T không tiếp tục nhận thay số tiền này cho ông N nữa. Bà T đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật và buộc bà M phải trả tiền cho ông N.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q (người được nguyên đơn ủy quyền) trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bà Dương Thị M phải trả một lần cho ông N số tiền 17.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Dương Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N để buộc bà Dương Thị M phải trả một lần cho ông Nguyễn Văn N số tiền 17.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đòi bà Dương Thị M trả 17.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại đơn đề nghị của bà M (BL số 34) và tại các văn bản trình bày bà M thừa nhận giữa ông N và bà M có ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý và tự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng Biên bản thanh lý hợp đồng. Theo đó, phía ông N đã thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền dịch vụ pháp lý là 6.000.000 đồng cho bên cung ứng dịch vụ pháp lý là bà M và bà M phải trả số tiền còn lại là 36.000.000 đồng từ việc thanh lý Hợp đồng dịch vụ cho ông N trong thời hạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận là 02 tháng. Tuy nhiên, bà M chỉ trả được số tiền 19.000.000 đồng và số tiền còn lại là 17.000.000 đồng từ ngày 04/11/2015 đến nay bà M vẫn chưa thanh toán.

[5] Xét các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Văn N cung cấp: 03 (ba) Phiếu thu vào các ngày 09/6/2012, 25/1/2012; 21/1/2013; 07 (bảy) phiếu chi tiền vào các ngày 07/5/2015, ngày 17/6/2015; 30/6/2015, 29/7/2015, 07/7/2015, 20/7/2015, 03/11/2015 của bà Dương Thị M chi cho người nhận là bà Phan Thị Duy T. Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 05/3/2015. Đây là các tài liệu, chứng cứ có giá trị chứng minh việc bà Dương Thị M đã thu 42.000.000 đồng tiền chi phí tạm ứng cho dịch vụ pháp lý từ bà Truyền; bà Truyền đã thanh toán chi phí dịch vụ pháp lý cho bà Dương Thị M số tiền 6.000.000 đồng; bà Dương Thị M đã thanh toán 19.000.000 đồng từ việc thanh lý hợp đồng dịch vụ pháp lý cho ông N và số tiền còn lại là 17.000.000 đồng bà M vẫn chưa thanh toán.

[6] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bà M phải trả cho nguyên đơn 17.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu đòi lại số tiền 17.000.000 đồng của ông N là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần buộc bà Dương Thị M phải có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho ông N.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị M phải chịu là:

17.000.000 đồng x 5% = 850.000 đồng

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000 đồng tại biên lai số 005303 ngày 03/72017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Buộc bà Dương Thị M phải trả số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị M phải chịu 850.000 đồng án phí dân sự, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000 đồng tại biên lai số 005303 ngày 03/72017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THA tỉnh TT- Huế;
- Các đương sự;
- Tòa chuyên trách;
- Lưu: hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Hưng Bính